

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2020
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên.**

2. Bà **Thái Ánh Trinh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn LQ, xã VH, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Đặng Trọng T1** – Văn phòng Luật sư Thanh Liêm thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Phương L**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực LT, phường TL, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, ông và bà Lê Thị Phương L

tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông bà tổ chức lễ cưới ngày 19/10/2014 và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc vào ngày 24/12/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, không chia sẻ được với nhau, suy nghĩ không còn phù hợp nên thường cự cãi từ đó hạnh phúc gia đình không còn. Đến tháng 3/2017, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp nhau vài lần để hàn gắn gia đình nhưng đều không có kết quả. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, do tình hình dịch bệnh (covid19) nên ông yêu cầu được xét xử vắng mặt.

* Bí đơn bà Lê Thị Phương L trình bày: Về hôn nhân bà thống nhất giữa bà và ông T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như ông T trình bày. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu của vợ chồng do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng ly thân là tháng 3/2018, trong thời gian ly thân đúng là vợ chồng có gặp nhau vài lần để hàn gắn gia đình nhưng không thể đoàn tụ được. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông T nhường quyền nuôi con cho bà.

Về con chung: Ông T, bà L thống nhất xác định có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A (nữ), sinh ngày 18/6/2015. Từ khi cháu 06 tháng tuổi do gia đình ông T và ông T nuôi dưỡng cho đến nay. Khi ly hôn ông T, bà L đều yêu cầu nuôi con, không yêu cầu người không nuôi phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Luật sư của nguyên đơn: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T vì ông T không còn tình cảm với bà L và bà L cũng nhận thấy không thể chung sống được với ông T. Đồng thời, xem xét cho ông T được nuôi con, vì từ khi con chung 06 tháng tuổi đã sống với gia đình ông T, ông T và ông T có đủ mọi điều kiện để chăm sóc tốt cho con.

Bà L: xác định vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông T. Về con chung tuy ông T chăm sóc tốt cho con, điều kiện nuôi con cũng tốt, riêng bà hiện nay chưa có việc làm nhưng căn cứ vào việc bà là mẹ và sợ ông T có vợ khác sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của con nên bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; trường hợp Tòa án quyết định giao con cho ông T nuôi thì bà không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay bà chưa có công việc ổn định, khi nào bà có khả năng bao nhiêu thì cho con bấy nhiêu. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại

phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Phương L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A (nữ), sinh ngày 18/6/2015. Giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông T, bà L phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Phương L là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông T có đơn khởi kiện ly hôn đối với bà L nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T, bà L không thống nhất nhưng ông bà đều xác định có mâu thuẫn xảy ra và trong thời gian ly thân từ năm 2017 đến nay ông bà có hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ được. Ngoài ra, ông T xác định không còn tình cảm với bà L, còn bà L cũng nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không thể hàn gắn và tại phiên tòa bà L đồng ý ly hôn với ông T. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay ông T, bà L xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Phương L thuận tình ly hôn.

[4] *Về con chung*: Ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Bảo A (nữ), sinh ngày 18/6/2015. Ông bà thống nhất từ khi con 06 tháng tuổi cho đến nay cháu A sống với gia đình ông T và ông T. Thống nhất ông T có điều kiện kinh tế để nuôi dạy, chăm sóc tốt cho con. Ngoài ra, bà L trình bày hiện nay bà chưa có việc làm, điều kiện kinh tế chưa ổn định. Do vậy, nếu thay đổi người nuôi con có thể ảnh hưởng đến tâm lý của con, cũng như không đảm bảo cho sự phát triển tốt của con về điều kiện thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con

chung cho ông T tiếp tục nuôi con theo yêu cầu của ông T là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc bà L phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T, bà L xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông T, bà L chịu theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên án:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Phương L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông bà có một người con chung tên Nguyễn Bảo A (nữ), sinh ngày 18/6/2015. Giao con chung Nguyễn Bảo A cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền ngăn cản. Ông T, bà L có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm**: Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Phương L mỗi người phải chịu tiền án phí là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Ông Nguyễn Văn T đã đóng tạm ứng án phí 300.000 đồng nên được khấu trừ số tiền mà ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 012302 ngày 13/7/2020 được chuyển thành án phí, như vậy ông T được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Thị Kim Hưng